TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 142/2022/DS-ST
Ngày 21-6-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Sĩ Hùng

Ông Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Chưởng - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2022/TLST-DS, ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Đặng Linh C, sinh năm 1988, (Có mặt).

Anh Trần Vĩnh N, sinh năm 1987, (Có mặt).

Cùng nơi cư trú: Số 39 đường T, khóm 1, phường 2, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1998.

Chị Phan Thị Mỹ P2, sinh năm 1990.

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960, (Vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Số 197, đường L, khóm 1, phường 2, thành phố C, tỉnh C

Người đại diện theo ủy quyền của anh P1, chị P2 tham gia tố tụng tại Tòa án là anh Trang Vĩnh T, sinh năm: 1982, (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Cái Su, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Vĩnh N và chị Trần Đặng Linh C thống nhất trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên trong khoảng thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 10/2020, vợ chồng anh chị có cho vợ chồng anh Nguyễn Thanh P1, chị

Phan Thị Mỹ P2 vay nhiều lần. Trong quá trình vay, bà M có ký tên vào một số biên nhận. Lãi suất thỏa thuận 1.66%/tháng. Trong quá trình vay, anh P1, chị P2 có đóng lãi cho anh chị nhưng không đầy đủ và số tiền đóng lãi cụ thể anh chị không nhớ rõ. Đến ngày 01/5/2021, đôi bên tiến hành chốt nợ, theo đó anh P1, chị P2 còn nợ anh chị số tiền 930.000.000 đồng nên anh P1 có viết lại biên nhận nợ cho anh chị, có xác nhận của P2 và hứa thanh toán cho anh chị mỗi tháng 30.000.000 đồng, cho đến khi dứt nợ.

Trong các lần vay tiền của anh P1, chị P2, có 03 lần bà M ký nhận nợ với anh P1, chị P2. Cụ thể: Biên nhận ngày 24/4/2020, chị P2 vay 100.000.000 đồng; Biên nhận ngày 08/5/2020, chị P2 vay 100.000.000 đồng; Biên nhận ngày 23/5/2020, chị P2 vay 50.000.000 đồng. Do bà M cùng ký vào các biên nhận trên nên bà M phải có trách nhiệm liên đới cùng với anh P1, chị P2 thanh toán cho anh chị số tiền 250.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện, anh chị yêu cầu anh P1, chị P2 và bà M liên đới thanh thanh toán nợ gốc và lãi 1.084.380.000 đồng. Tại phiên tòa, anh chị có thay đổi yêu cầu, cụ thể: Yêu cầu bà M liên đới cùng với anh P1, chị P2 thanh toán cho anh chị số tiền 250.000.000 đồng. Về mức lãi suất, tại đơn khởi kiện anh chị yêu cầu mức lãi suất 1.66%/tháng, nay yêu cầu 0.83%/tháng.

Nay anh chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh P1, chị P2, thanh toán tổng số nợ 1.035.493.000 đồng. Trong đó, nợ gốc 930.000.000 đồng, nợ lãi 930.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 13 tháng 20 ngày = 105.493.000 đồng. Trong tổng số nợ 1.035.493.000 đồng, anh chị yêu cầu bà M liên đới cùng anh P1, chị P2 thanh toán nợ gốc 250.000.000 đồng.

Đối với người đại diện theo ủy quyền của anh P1, chị P2 và bà Nguyễn Thị M: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng của Tòa án cho người đại diện theo ủy quyền anh P1, chị P2, cho bà M đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không gửi bất kỳ văn bản nào trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu ý kiến như sau:

Về việc chấp hành pháp luật trong tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ được quy định trong pháp luật trong tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh P1, chị P2 có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 1.035.493.000 đồng, trong đó nợ gốc là 930.000.000 đồng, nợ lãi 930.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 13 tháng 20 ngày = 105.493.000 đồng. Không

chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới cùng với chị P2, anh P1 thanh toán 250.000.000 đồng. Án phí các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trang Vĩnh T, bà Nguyễn Thị M đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh T, bà M vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T, bà M theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc anh P1, chị P2 có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc 930.000.000 đồng, nhận thấy: Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/02/2022, tại cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Cà Mau, anh P1 thừa nhận: do cần vốn làm ăn nên vợ chồng anh có vay của anh N, chị C nhiều lần tiền, lãi suất thõa thuận là 15%/tháng. Đến tháng 3/2021 do mất cân đối về tài chính nên không còn điều kiện trả lãi và gốc, đến tháng 5/2021 anh và vợ anh là chị P2 có viết biên nhận nợ lại cho anh N, chị C với tổng số tiền 930.000.000 đồng. Trong đó vốn gốc là 730.000.000 đồng, lãi 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại biên nhận nợ ngày 01/5/2021 thể hiện: anh P1 có nợ anh N số tiền 930.000.000 đồng, có xác nhận của chị P2. Như vậy, tại biên nhận trên, không thể hiện số tiền lãi 200.000.000 đồng như anh P1 trình bày. Ngoài lời trình bày, anh P1 không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh trong tổng số tiền nợ 930.000.000 đồng, có 200.000.000 đồng là nợ lãi nên yêu cầu trên của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Trong quá trình vay, nguyên đơn cho rằng đôi bên có thỏa thuận lãi suất là 1.66%/tháng, trong khi anh P1 cho rằng lãi suất thỏa thuận là 15%/tháng nhưng anh P1 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về mức lãi suất trên. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu anh P1, chị P2 thanh toán lãi suất từ ngày chốt nợ, ngày 01/5/2021 đến ngày 20/6/2022 với mức lãi suất 0.83%/tháng bằng số tiền 105.493.000 đồng. Xét thấy đây là yêu cầu phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên yêu cầu trên của nguyên đơn được chấp nhận

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị M liên đới cùng với anh P1, chị P2 thanh toán số tiền 250.000.000 đồng, nhận thấy: Mặc dù bà M có ký tên vào các biên nhận ngày 24/4/2020; Ngày 08/5/2020; Ngày 23/5/2020 nhưng tại mục người vay là chị P2. Tại các biên nhận trên cũng không thể hiện rõ vai trò của bà M là gì và bà M có trách nhiệm như thế nào nếu chị P2 không trả nợ cho nguyên đơn. Mặc khác, khi anh P1, chị P2 làm lại biên nhận để chốt nợ với nguyên đơn ngày 01/5/2021 thì nguyên đơn cũng không đề cập gì về trách nhiệm trả nợ của bà M. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là không có sơ sở chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh P1, chị P2 phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 200, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 và 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Vĩnh N và chị Trần Đặng Linh C.

Buộc anh Nguyễn Thanh P1, chị Phan Thị Mỹ P2 có nghĩa vụ thanh toán cho anh Trần Vĩnh N và chị Trần Đặng Linh C tổng số tiền 1.035.493.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của anh Trần Vĩnh N và chị Trần Đặng Linh C về việc buộc bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền 250.000.000 đồng.

Kể từ ngày anh Trần Vĩnh N và chị Trần Đặng Linh C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Thanh P1, chị Phan Thị Mỹ P2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định của khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Nguyễn Thanh P1, chị Phan Thị Mỹ P2 phải chịu 43.064.794 đồng (Chưa nộp). Anh Trần Vĩnh N và chị Trần Đặng Linh C không phải chịu án phí. Ngày 16/3/2022, anh N, chị C đã dự nộp 22.266.000 đồng theo biên lai 0001021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được nhận lại loàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trương Thanh Quốc